

Ngày 26/01/2024 Trường ĐHSP Hà Nội đã ban hành Thông báo số 128/TB-ĐHSPHN về
Thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2024.

1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm tất cả 06 học kì cấp THPT đạt loại Khá trở lên.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

3. Các phương thức tuyển sinh: Xét tuyển dựa theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024; Xét tuyển thẳng; Xét học bạ THPT; Thi tuyển (thi năng khiếu, thi đánh giá năng lực); Kết hợp thi tuyển và xét tuyển.

- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội xét tuyển thẳng các thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng được quy định tại khoản 1, 2, điều 8 của **Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non** của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là diện XTT1). Thí sinh phải nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi chuyển phát nhanh về Trường ĐHSP Hà Nội.
- Ưu tiên cộng điểm hoặc phỏng vấn xét tuyển thẳng nếu thí sinh có viết bài luận đạt kết quả tốt.

3.1. Phương thức tuyển sinh 1 (PT1): Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 để xét tuyển (*Tên ngành học, mã ngành, chỉ tiêu và tổ hợp xét tuyển xem cụ thể ở mục 4 và mục 6*).

- *Điều kiện đăng kí xét tuyển:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm tất cả 06 học kì cấp THPT đạt loại Khá trở lên.

- *Thời gian đăng kí xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển:* Theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

- *Hình thức đăng kí xét tuyển:* Thí sinh đăng kí nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT. Thí sinh có thể đăng kí xét tuyển theo PT1 vào nhiều ngành khác nhau (không giới hạn số nguyện vọng xét tuyển) và đóng lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT.

- *Nguyên tắc xét tuyển:* Xét tuyển theo từng ngành. Xét tuyển từ cao xuống thấp cho hết chỉ tiêu dựa theo tổng điểm thi 03 môn (*bao gồm cả môn thi chính nhân hệ số 2 (nếu có) của tổ hợp đăng kí xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có) theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành*).

3.2. Phương thức tuyển sinh 2 (PT2): Xét tuyển thẳng các thí sinh là học sinh tham gia các đội tuyển học sinh giỏi; học sinh các trường THPT chuyên (hoặc các trường THPT trực thuộc trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh), học sinh có các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học quốc tế (gọi tắt là diện XTT2). Thí sinh chỉ được đăng ký duy nhất 01 nguyện vọng xét tuyển thẳng diện XTT2.

- *Điều kiện đăng kí xét tuyển:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT năm 2024 có hạnh kiểm tất cả 06 học kì đạt loại Tốt, có học lực Giỏi cả 03 năm cấp THPT và phải thỏa mãn một trong các điều kiện quy định dưới đây:

a.1. Thí sinh là học sinh thuộc đội tuyển cấp tỉnh/thành phố hoặc đội tuyển của trường THPT chuyên trực thuộc các trường đại học tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.

a.2. Thí sinh là học sinh các trường THPT chuyên (hoặc các trường THPT trực thuộc trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh) đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố/trường đại học cấp THPT.

a.3. Thí sinh là học sinh các trường THPT chuyên hoặc các trường THPT trực thuộc trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh.

a.4. Thí sinh là học sinh các trường THPT khác đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố cấp THPT hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: IELTS hoặc TOEFL iBT hoặc TOEIC; DELF hoặc TCF; HSK và HSKK; chứng chỉ Tin học Quốc tế MOS (thời hạn 2 năm tính đến ngày 19/05/2024).

* Thí sinh diện a.1, a.2, a.3 có các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế: IELTS hoặc TOEFL iBT (thời hạn 2 năm tính đến ngày 19/05/2024) được xem xét cộng điểm ưu tiên khi xét tuyển theo Phương thức 2 (XTT2) vào các ngành *Sư phạm Toán học (dạy Toán bằng tiếng Anh)*, *Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh*; mức điểm ưu tiên (theo thang điểm 30) được quy đổi từ các chứng chỉ Tiếng Anh như sau:

Chứng chỉ	IELTS 6.5; $80 \leq \text{TOEFL iBT} < 94$	IELTS 7.0; $94 \leq \text{TOEFL iBT} < 102$	IELTS 7.5; $102 \leq \text{TOEFL iBT} < 110$	IELTS ≥ 8.0 ; $110 \leq \text{TOEFL iBT}$
Điểm cộng	1,0	2,0	2,5	3,0

Điểm ưu tiên được cộng theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Nguyên tắc xét tuyển:* Xét tuyển lần lượt theo thứ tự ưu tiên bắt đầu từ a.1, nếu còn chỉ tiêu sẽ xét tiếp lần lượt đến a.2, a.3, a.4 cho đến hết chỉ tiêu. Đối với thí sinh đáp ứng điều kiện từ a.2 đến a.4, xét theo tổng điểm trung bình chung cả năm (viết tắt là TĐTBCCN) lớp 10, 11, 12 của môn học hoặc tổ hợp môn học cấp THPT theo quy định của mỗi ngành (đã cộng điểm ưu tiên, nếu có theo quy định).

- *Thông tin chi tiết xem tại các mục 4, mục 6 và mục 8.*

* **Đối với các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục thể chất** xét tuyển thẳng các thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp Cao đẳng, Trung cấp tại các trường năng khiếu nghệ thuật năm 2024 có hạnh kiểm tất cả 06 học kì đạt loại Khá trở lên, có học lực 03 năm cấp THPT đạt từ loại Khá trở lên và phải thỏa mãn một trong các điều kiện quy định dưới đây:

b.1. Thí sinh đáp ứng mục c, d của khoản 5 Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành thì được xét tuyển thẳng vào các ngành tương ứng (Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục thể chất) của Trường ĐHSP Hà Nội.

b.2. Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp loại Giỏi trình độ Cao đẳng, Trung cấp tại các trường năng khiếu nghệ thuật hoặc các thí sinh đạt các giải Âm nhạc, Mỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương thì được xét tuyển thẳng vào các ngành tương ứng (Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật) của Trường ĐHSP Hà Nội; Thí sinh là vận động viên cấp 1 được Tổng cục thể dục thể thao công nhận hoặc thí sinh tham gia giải thi đấu dành cho học sinh phổ thông toàn quốc thì được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục thể chất của Trường ĐHSP Hà Nội.

Nguyên tắc xét tuyển:

+ Xét tuyển lần lượt theo thứ tự ưu tiên bắt đầu từ b.1, nếu còn chỉ tiêu sẽ xét tiếp đến b.2 cho đến hết chỉ tiêu.

+ Đối với thí sinh đáp ứng điều kiện từ b.1 đến b.2, xét theo giải thưởng từ cao xuống thấp hơn, nếu số thí sinh đạt cùng điều kiện vượt quá chỉ tiêu thì xét tiếp đến tổng điểm trung bình chung cả năm lớp 10, 11, 12 của các môn Toán và Ngữ văn.

Thời gian được tính để hưởng ưu tiên xét tuyển thẳng là không quá 04 năm tính đến ngày 19/05/2024.

- Thông tin chi tiết xem tại các mục 4, mục 6 và mục 8.

3.3. Phương thức tuyển sinh 3 (PT3): Xét học bạ THPT (gọi tắt là diện XTT3, quy định cụ thể từng ngành xem tại mục 8).

- *Điều kiện đăng kí xét tuyển:*

+ Đối với các ngành đào tạo giáo viên: Thí sinh là học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 có hạnh kiểm tất cả 06 học kì cấp THPT đạt loại Tốt và học lực 03 năm đạt từ Giỏi trở lên. Riêng đối với ngành Sư phạm Tiếng Pháp, nếu thí sinh là học sinh hệ song ngữ tiếng Pháp thì điều kiện về học lực là lớp 12 đạt loại Giỏi; đối với ngành Sư phạm Công nghệ, điều kiện về học lực là lớp 12 đạt loại Giỏi.

+ Đối với các ngành khác (ngoài sư phạm): Thí sinh là học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 có hạnh kiểm tất cả 06 học kì và học lực 03 năm cấp THPT đạt từ Khá trở lên.

* Thí sinh chỉ được đăng ký xét tuyển vào một ngành theo diện XTT2, XTT3. Nếu đáp ứng điều kiện và đã đăng ký xét tuyển diện XTT2 thì thí sinh không đăng ký xét tuyển diện XTT3.

- *Nguyên tắc xét tuyển:* Xét tổng điểm trung bình chung cả năm lớp 10, 11, 12 của môn học hoặc tổ hợp các môn học theo quy định của mỗi ngành (*đã cộng điểm ưu tiên, nếu có theo quy định*). Trước hết xét các thí sinh thuộc diện XTT2 theo nguyên tắc xét tuyển của PT2, sau đó xét đến các thí sinh diện XTT3 (*nếu còn chỉ tiêu*).

- *Thông tin chi tiết xem tại các mục 4, mục 6 và mục 8.*

3.4. Phương thức tuyển sinh 4 (PT4): Áp dụng đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Giáo dục Mầm non và Giáo dục Mầm non - Sư phạm Tiếng Anh; kết hợp sử dụng kết quả học bạ (xét theo PT4) hoặc kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (xét theo PT1) hoặc kết quả thi đánh giá năng lực năm 2024 của Trường ĐHSP Hà Nội (xét theo PT5) với kết quả thi năng khiếu năm 2024 của trường ĐHSP Hà Nội. Thí sinh chỉ được đăng ký xét tuyển dựa trên kết quả thi năng khiếu vào duy nhất một ngành đào tạo.

- *Điều kiện đăng ký xét tuyển:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm tất cả 06 học kỳ cấp THPT đạt loại Khá trở lên.

- *Nguyên tắc xét tuyển:* Xét tuyển theo từng ngành. Xét tuyển từ cao xuống thấp cho hết chỉ tiêu dựa theo tổng điểm thi 03 môn hoặc tổng điểm thi 02 môn thi năng khiếu đối với thí sinh sử dụng kết quả học bạ kết hợp với kết quả thi năng khiếu tại Trường ĐHSP Hà Nội (*đã nhân hệ số 2, nếu có của tổ hợp đăng ký xét tuyển và điểm ưu tiên, nếu có theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành*).

- *Thông tin chi tiết xem tại các mục 4, mục 6 và mục 7.1.*

3.5. Phương thức tuyển sinh 5 (PT5): Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực do Trường ĐHSP Hà Nội hoặc Trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thi trước ngày 25/5/2024 kết hợp với kết quả học THPT (*Tên ngành học, mã ngành, chỉ tiêu và tổ hợp xét tuyển xem cụ thể tại mục 4*). Thí sinh được đăng ký tối đa 02 nguyện vọng xét tuyển theo PT5; có thể đăng ký 02 tổ hợp khác nhau để xét tuyển vào cùng một ngành đào tạo, nếu có.

- *Điều kiện đăng ký xét tuyển:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT có hạnh kiểm tất cả 06 học kỳ cấp THPT từ loại Khá trở lên và điểm trung bình chung của 05 học kỳ (học kỳ 1, 2 lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12) từ 6.5 trở lên.

- *Nguyên tắc xét tuyển:* Xét tuyển theo từng ngành dựa theo kết quả thi đánh giá năng lực 02 môn (*đã nhân hệ số và cộng điểm ưu tiên, nếu có theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành*). Đối với các ngành: Giáo dục mầm non, Giáo dục mầm non – Sư phạm Tiếng Anh, xét theo tổng điểm các môn thi năng khiếu tại Trường ĐHSP Hà Nội với các môn thi đánh giá

năng lực (đã nhân hệ số và cộng điểm ưu tiên, nếu có theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành). Quy định các môn thi đánh giá năng lực của từng ngành xem tại bảng mục 4, quy định các môn thi năng khiếu đối với các ngành có môn thi năng khiếu xem tại mục 7.1.

* Đối với thí sinh có hai nguyện vọng xét tuyển theo PT5, Trường xét nguyện vọng 1 trước, nếu trúng tuyển ở nguyện vọng 1 thì sẽ không xét tuyển nguyện vọng 2; nếu nguyện vọng 1 không trúng tuyển thì nguyện vọng 2 được xét tuyển như nguyện vọng 1.

- Thông tin chi tiết xem tại các mục 4, mục 6 và mục 7.2.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu dự kiến theo ngành, theo từng phương thức tuyển sinh

4.1. Các ngành đào tạo giáo viên (sư phạm - nhóm ngành I)

4.1.1 Các ngành xét tuyển theo PT1, PT2, PT5 hoặc PT4

STT	Ngành học/mã ngành	Xét tuyển theo PT1		Xét tuyển theo PT2				Xét tuyển theo PT5 hoặc PT4			
		Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Môn/Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Đội tuyển ưu tiên xét tuyển	Chứng chỉ Quốc tế ưu tiên xét tuyển	Môn 1 (hệ số 2)	Môn 2 (hệ số 1)	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú
1	SP Toán học										
	7140209A	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	60	Toán	120	Toán, Vật lí, Hóa học,	Không ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh có Chứng chỉ quốc tế	Toán	Vật lí	60	PT5
	7140209C							Toán	Hóa học	60	PT5
2	SP Toán học (dạy Toán bằng tiếng Anh)					Tin học					
	7140209B	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	4	Toán, Tiếng Anh	24			Toán	Tiếng Anh	24	PT5
	7140209D	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	8								
3	SP Vật lí					Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600				
	7140211A	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	20	Vật lí	25			Vật lí	Toán	20	PT5
	7140211B	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	5								
4	SP Vật lí (dạy Vật lí bằng tiếng Anh)						IELTS \geq 6.0;				

STT	Ngành học/mã ngành	Xét tuyển theo PT1		Xét tuyển theo PT2				Xét tuyển theo PT5 hoặc PT4			
		Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Môn/Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Đội tuyển ưu tiên xét tuyển	Chứng chỉ Quốc tế ưu tiên xét tuyển	Môn 1 (hệ số 2)	Môn 2 (hệ số 1)	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú
	7140211C	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	5	Vật lí	10	Toán, Vật lí,	TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	Vật lí	Tiếng Anh	10	PT5
	7140211D	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	5			Hóa học, Tin học					
5	SP Hoá học										
	7140212A	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	22	Toán ≥ 7.5 , Vật lí ≥ 7.5 , Hoá học ≥ 8.0	7	Hóa học, Toán, Vật lí	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	Hóa học	Toán	15	PT5
	7140212C	Toán, Hoá học, Sinh học (B00)	6								
6	SP Hoá học (dạy Hoá học bằng tiếng Anh)										
	7140212B	Toán, Hoá học, Tiếng Anh (D07)	14	Toán ≥ 7.5 , Tiếng Anh ≥ 7.5 , Hóa học ≥ 8.0	7	Hóa học, Toán, Vật lí	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	Hóa học	Tiếng Anh	9	PT5
7	SP Ngữ văn										
	7140217C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	70	Ngữ văn	150	Ngữ văn	Chỉ xét tuyển thí sinh thỏa mãn điều kiện a1,a2,a3	Ngữ văn	Lịch sử	75	PT5
	7140217D	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (D01,D02,D03)	50					Ngữ văn	Tiếng Anh	55	PT5
8	SP Lịch sử										
	7140218C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	30	Lịch sử	30	Ngữ văn, Lịch sử	IELTS ≥ 6.0 ;	Lịch sử	Ngữ văn	30	PT5

STT	Ngành học/mã ngành	Xét tuyển theo PT1		Xét tuyển theo PT2				Xét tuyển theo PT5 hoặc PT4			
		Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Môn/Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Đội tuyển ưu tiên xét tuyển	Chứng chỉ Quốc tế ưu tiên xét tuyển	Môn 1 (hệ số 2)	Môn 2 (hệ số 1)	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú
	7140218D	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14)	5				TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	Lịch sử	Tiếng Anh	5	PT5
9	SP Tiếng Anh										
	7140231A	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh *2(D01)	40	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh*2	60	Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.5 ; TOEFL iBT ≥ 79	Tiếng Anh	Ngữ văn	30	PT5
	7140231B							Tiếng Anh	Toán	30	PT5
10	Giáo dục Mầm non										
	7140201A	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu (M00)	110	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	5	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	Ngữ văn	Toán	10	Cộng với điểm thi năng khiếu (mục 7.1) để xét tuyển theo PT5
11	Giáo dục Mầm non - SP Tiếng Anh										
	7140201B	Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu (M01)	15	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	5	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	Tiếng Anh	Toán	5	
	7140201C	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu (M02)	15			Tiếng Anh		Tiếng Anh	Ngữ văn	5	
12	Giáo dục Tiểu học										
	7140202A	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (D01,D02,D03)	50	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	30	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Chỉ xét tuyển thí sinh thỏa mãn điều kiện a1,a2,a3	Toán	Ngữ văn	50	PT5
13	Giáo dục Tiểu học – Sư phạm Tiếng Anh										

STT	Ngành học/mã ngành	Xét tuyển theo PT1		Xét tuyển theo PT2				Xét tuyển theo PT5 hoặc PT4			
		Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Môn/Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Đội tuyển ưu tiên xét tuyển	Chứng chỉ Quốc tế ưu tiên xét tuyển	Môn 1 (hệ số 2)	Môn 2 (hệ số 1)	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú
	7140202B	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	25	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	15			Ngữ văn	Tiếng Anh	10	PT5
	7140202C							Toán	Tiếng Anh	10	PT5
14	SP Âm nhạc						Chỉ xét tuyển				
	7140221A	Toán, HÁT*2, Thảm âm - Tiết tấu	5	Toán	10	Âm nhạc	thí sinh thỏa mãn điều kiện b1,b2 đối với các ngành năng khiếu	Hát	Thảm âm - Tiết tấu	70	
	7140221B	Ngữ văn, HÁT*2, Thảm âm - Tiết tấu	5	Ngữ văn							
15	SP Mỹ thuật						Chỉ xét tuyển				
	7140222A	Toán, HÌNH HOẠ*2, Trang trí	5	Toán	10	Mỹ thuật	thí sinh thỏa mãn điều kiện b1,b2 đối với các ngành năng khiếu	Hình họa	Trang trí	60	PT4
	7140222B	Ngữ văn, HÌNH HOẠ*2, Trang trí	5	Ngữ văn							
16	Giáo dục thể chất						Chỉ xét tuyển				
	7140206	Toán, BẬT XA*2, Chạy 100m	5	Toán	15	Các giải thể dục thể thao, kiện tướng quốc gia, vận động	thí sinh thỏa mãn điều kiện b1,b2 đối với các ngành năng khiếu	Bật xa	Chạy 100m	70	

STT	Ngành học/mã ngành	Xét tuyển theo PT1		Xét tuyển theo PT2				Xét tuyển theo PT5 hoặc PT4			
		Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Môn/Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Đội tuyển ưu tiên xét tuyển	Chứng chỉ Quốc tế ưu tiên xét tuyển	Môn 1 (hệ số 2)	Môn 2 (hệ số 1)	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú
						viên cấp 1					

4.1.2 Các ngành xét tuyển theo PT1, PT2 và PT3, PT5

STT	Ngành học/mã ngành	Xét tuyển theo PT1		Xét tuyển theo PT2 và PT3				Xét tuyển theo PT5			
		Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Môn/Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Đội tuyển ưu tiên xét tuyển	Chứng chỉ Quốc tế ưu tiên xét tuyển	Môn 1 (hệ số 2)	Môn 2 (hệ số 1)	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú
1	SP Tin học					Tin học, Toán, Vật lí, Hóa học, Tiếng Anh	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; MOS \geq 950				
	7140210A	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	40	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	10			Toán	Vật lí	5	
	7140210B	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	20					Toán	Tiếng Anh	5	
2	SP Sinh học					Sinh học, Hóa học	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600				
	7140213B	Toán, Hoá học, Sinh học *2 (B00)	60	Sinh học \geq 7.5	20			Sinh học	Hóa học	35	
	7140213D	Toán, Tiếng Anh, Sinh học *2 (D08)	20					Sinh học	Tiếng Anh	15	
3	SP Công nghệ					Toán, Vật lí, Tin học	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61;				
	7140246A	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	25	Toán, Vật lí	50			Toán	Vật lí	7	
	7140246B	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	15					Toán	Tiếng Anh	3	

STT	Ngành học/mã ngành	Xét tuyển theo PT1		Xét tuyển theo PT2 và PT3				Xét tuyển theo PT5			
		Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Môn/Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Đội tuyển ưu tiên xét tuyển	Chứng chỉ Quốc tế ưu tiên xét tuyển	Môn 1 (hệ số 2)	Môn 2 (hệ số 1)	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú
							TOEIC ≥ 600				
4	SP Địa lí						IELTS ≥ 6.0;				
	7140219B	Toán, Ngữ văn, Địa (C04)	20	Địa lí	20	Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	TOEFL iBT ≥ 61;	Địa lí	Ngữ văn	30	
	7140219C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	50				TOEIC ≥ 600;	Địa lí	Lịch sử	30	
							DELTA từ B1 trở lên;				
							TCF ≥ 300				
5	SP Tiếng Pháp						IELTS ≥ 6.0;				
	7140233D	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ*2 (D01,D02,D03)	24	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ*2	4	Ngoại ngữ	TOEFL iBT ≥ 61;	Tiếng Anh	Ngữ văn	10	
	7140233C	Ngữ văn, Ngoại ngữ*2, Địa lí (D15,D42,D44)	12				TOEIC ≥ 600;				
							DELTA từ B1 trở lên (DELTA B1 tout public hoặc junior);				
							TCF ≥ 300				
6	Giáo dục đặc biệt						IELTS ≥ 6.0;				
	7140203C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	15	Ngữ văn	10	Tất cả các đội tuyển		Ngữ văn	Tiếng Anh	15	

STT	Ngành học/mã ngành	Xét tuyển theo PT1		Xét tuyển theo PT2 và PT3				Xét tuyển theo PT5			
		Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Môn/Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Đội tuyển ưu tiên xét tuyển	Chứng chỉ Quốc tế ưu tiên xét tuyển	Môn 1 (hệ số 2)	Môn 2 (hệ số 1)	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú
	7140203D	Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ (D01,D02,D03)	10				TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300				
7	Giáo dục công dân					Tất cả các đội tuyển	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; MOS ≥ 950				
	7140204B	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD (C19)	47	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	20			Ngữ văn	Lịch sử	5	
	7140204C	Ngữ văn, Địa lí, GDCD (C20)	48								
8	Giáo dục chính trị					Tất cả các đội tuyển	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; MOS ≥ 950				
	7140205B	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD (C19)	20	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	7			Ngữ văn	Lịch sử	3	
	7140205C	Ngữ văn, Địa lí, GDCD (C20)	20								
9	Giáo dục Quốc phòng và An ninh					Tất cả các đội tuyển	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; MOS ≥ 950				
	7140208C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	17	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	6			Ngữ văn	Lịch sử	8	
	7140208D	Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ (D01,D02,D03)	12					Ngữ văn	Địa lí	7	

Lưu ý: Đối với các ngành sư phạm, Nhà trường thông báo chỉ tiêu chính thức khi nhận được Công văn của Bộ GDĐT về phân bổ số lượng chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên năm 2024.

4.2. Các ngành khác (ngoài sư phạm)

4.2.1 Các ngành xét tuyển theo PT1, PT2, PT5

STT	Ngành học/mã ngành	Xét tuyển theo PT1		Xét tuyển theo PT2				Xét tuyển theo PT5			
		Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Môn/Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Đội tuyển ưu tiên xét tuyển	Chứng chỉ Quốc tế ưu tiên xét tuyển	Môn 1 (hệ số 2)	Môn 2 (hệ số 1)	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú
		Nhóm ngành V:									
1	Toán học					Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học	Không ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh có Chứng chỉ quốc tế				
	7460101A	Toán, Vật lý, Hoá học (A00)	30	Toán	20			Toán	Vật lý	15	
	7460101D	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	20					Toán	Hóa học	15	
		Nhóm ngành VII:									
2	Văn học					Ngữ văn	Chỉ xét tuyển thí sinh thỏa mãn điều kiện a1,a2,a3				
	7229030C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	20	Ngữ văn	25			Ngữ văn	Lịch sử	20	
	7229030D	Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ (D01,D02,D03)	10					Ngữ văn	Tiếng Anh	5	
3	Ngôn ngữ Anh					Tiếng Anh	IELTS \geq 6.5; TOEFL iBT \geq 79				
	7220201	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh *2 (D01)	15	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh*2	30			Tiếng Anh	Ngữ văn	15	

4.2.2 Các ngành xét tuyển theo PT1, PT2 và PT3, PT5

STT	Ngành học/mã ngành	Xét tuyển theo PT1		Xét tuyển theo PT2 và PT3				Xét tuyển theo PT5			
		Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Môn/Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Đội tuyển ưu tiên xét tuyển	Chứng chỉ Quốc tế ưu tiên xét tuyển	Môn 1 (hệ số 2)	Môn 2 (hệ số 1)	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú
Nhóm ngành I:											
1	Quản lý giáo dục					Tất cả các đội tuyển	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF \geq 300; HSK \geq 4				
	7140114C	Ngữ văn, Địa lí, GDCD (C20)	28	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	15			Ngữ văn	Lịch sử	12	
	7140114D	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (D01,D02,D03)	10					Ngữ văn	Tiếng Anh	5	
Nhóm ngành IV:											
2	Hóa học					Hóa học, Toán, Vật lí	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600				
	7440112A	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	50	Toán \geq 7.5, Vật lí \geq 7.5, Hoá học \geq 8.0	20			Hóa học	Toán	30	
	7440112B	Toán, Hoá học, Sinh học (B00)	30								
3	Sinh học					Sinh học, Hóa học	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600				
	7420101B	Toán, Hoá học, Sinh học*2 (B00)	45	Sinh học \geq 7.0	10			Sinh học	Hóa học	20	
	7420101D	Toán, Ngoại ngữ, Sinh học*2 (D08,D32,D34)	15					Sinh học	Tiếng Anh	10	
Nhóm ngành V:											
4	Công nghệ thông tin					Tin học, Toán, Vật lí, Hóa	IELTS \geq 6.0;				
	7480201A	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	50	Toán, Vật lí, Hóa học	20			Toán	Vật lí	20	

STT	Ngành học/mã ngành	Xét tuyển theo PT1		Xét tuyển theo PT2 và PT3				Xét tuyển theo PT5					
		Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Môn/Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Đội tuyển ưu tiên xét tuyển	Chứng chỉ Quốc tế ưu tiên xét tuyển	Môn 1 (hệ số 2)	Môn 2 (hệ số 1)	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú		
	7480201B	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	25			học, Tiếng Anh	TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; MOS \geq 950	Toán	Tiếng Anh	5			
Nhóm ngành VII:													
5	Việt Nam học					Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELF từ B1 trở lên; TCF \geq 300						
	7310630C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	35	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	30			Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600;	Ngữ văn	Tiếng Anh	15	
	7310630D	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh (D15)	40						DELTA từ B1 trở lên; TCF \geq 300				
6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành					Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELF từ B1 trở lên; TCF \geq 300						
	7810103C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	35	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	20			Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600;	Tiếng Anh	Ngữ văn	15	
	7810103D	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh (D15)	40						DELTA từ B1 trở lên; TCF \geq 300				
7	Ngôn ngữ Trung Quốc					Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; HSK \geq 4 và HSKK trung cấp						
	7220204A	Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh*2 (D01)	10	Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung	5			Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600;	Tiếng Anh	Toán	5	
	7220204B	Toán, Ngữ Văn, Tiếng Trung Quốc*2 (D04)	20						HSK \geq 4 và HSKK trung cấp	Tiếng Anh	Ngữ văn	5	
8	Triết học (Triết học Mác - Lênin)					Tất cả các đội tuyển							
	7229001B	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD (C19)	55	(Ngữ văn \geq 6, Lịch sử \geq 6,	60					Ngữ văn	Lịch sử	5	

STT	Ngành học/mã ngành	Xét tuyển theo PT1		Xét tuyển theo PT2 và PT3				Xét tuyển theo PT5			
		Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Môn/Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Đội tuyển ưu tiên xét tuyển	Chứng chỉ Quốc tế ưu tiên xét tuyển	Môn 1 (hệ số 2)	Môn 2 (hệ số 1)	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú
				Địa lí(≥6) ≥20.0							
	7229001C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	55								
9	Chính trị học					Tất cả các đội tuyển	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300				
	7310201B	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD (C19)	35	Ngữ văn, Ngoại ngữ, GDCD	15			Ngữ văn	Tiếng Anh	5	
	7310201C	Ngữ văn, Ngoại ngữ, GDCD (D66,D68,D70)	25								
10	Tâm lý học (Tâm lý học trường học)					Tất cả các đội tuyển	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300				
	7310401C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	50	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	25			Ngữ văn	Tiếng Anh	10	
	7310401D	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (D01,D02,D03)	55					Ngữ văn	Lịch sử	10	
11	Tâm lý học giáo dục					Tất cả các đội tuyển	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300				
	7310403C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	25	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	10			Ngữ văn	Tiếng Anh	5	
	7310403D	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (D01,D02,D03)	15					Ngữ văn	Lịch sử	5	
12	Công tác xã hội						IELTS ≥ 6.0;				

STT	Ngành học/mã ngành	Xét tuyển theo PT1		Xét tuyển theo PT2 và PT3				Xét tuyển theo PT5			
		Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Môn/Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Đội tuyển ưu tiên xét tuyển	Chứng chỉ Quốc tế ưu tiên xét tuyển	Môn 1 (hệ số 2)	Môn 2 (hệ số 1)	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú
	7760101C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	45	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	90	Tất cả các đội tuyển	TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600	Ngữ văn	Tiếng Anh	10	
	7760101D	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (D01,D02,D03)	45				DELTA từ B1 trở lên; TCF \geq 300	Ngữ văn	Lịch sử	10	
13	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật										
	7760103C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	40	Ngữ văn	30	Tất cả các đội tuyển	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600;	Ngữ văn	Lịch sử	40	
	7760103D	Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ (D01,D02,D03)	20				MOS \geq 950	Ngữ văn	Tiếng Anh	20	

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

5.1 Đối với các ngành đào tạo giáo viên (sư phạm)

Trường sẽ thông báo cụ thể sau khi Bộ GDĐT công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với các ngành đào tạo giáo viên.

5.2 Đối với các ngành đào tạo khác (ngoài sư phạm)

Trường sẽ thông báo cụ thể sau khi Bộ GDĐT công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với các ngành đào tạo giáo viên.

6. Các thông tin cần thiết khác về đăng ký xét tuyển vào các ngành đào tạo của Trường

- Các ngành sư phạm không tuyển những thí sinh bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp.
- Các thí sinh trúng tuyển các ngành Sư phạm Tin học, Sư phạm Sinh học sau khi nhập học có thể đăng ký để nhà trường xét tuyển tương ứng vào học các ngành Sư phạm Tin học (dạy Tin học bằng tiếng Anh), Sư phạm Sinh học (dạy Sinh học bằng tiếng Anh), nếu có nguyện vọng.
- Thí sinh dự thi vào ngành Giáo dục Quốc phòng và An ninh phải có sức khỏe tốt, thí sinh mắc tật khúc xạ cận hoặc viễn thị không quá 3dp; không có dị tật bẩm sinh, hình xăm phản cảm. Nam cao từ 1,60m trở lên; nữ cao từ 1,55m trở lên.

- Chương trình Giáo dục Tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh đào tạo giáo viên Tiểu học có năng lực dạy tiếng Anh ở trường Tiểu học.

- Chương trình Giáo dục Mầm non - Sư phạm Tiếng Anh đào tạo giáo viên Mầm non có năng lực tổ chức hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh ở trường Mầm non.

- Thí sinh dự thi vào các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Mầm non - Sư phạm Tiếng Anh cần phải đăng kí thi và dự thi các môn năng khiếu tổ chức tại Trường ĐHSP Hà Nội để lấy điểm xét tuyển. Nếu thí sinh xét tuyển theo phương thức kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả thi đánh giá năng lực với kết quả thi các môn năng khiếu thì phải đăng kí thi các môn văn hóa tương ứng với tổ hợp xét tuyển tại Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 hoặc Kỳ thi đánh giá năng lực của Trường ĐHSP Hà Nội để xét tuyển (*Xem mục 7 để đăng kí thi năng khiếu và thi đánh giá năng lực, nếu có*).

- Ngành Sư phạm Công nghệ: Đào tạo giáo viên công nghệ - giáo dục STEM trong trường phổ thông; giảng viên giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Ngành Giáo dục đặc biệt đào tạo giáo viên dạy trẻ khuyết tật và hoà nhập.

- Sinh viên học các ngành ngoài sư phạm và ngành Quản lý giáo dục phải đóng học phí theo quy định của Trường. Sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên của Trường ĐHSP Hà Nội được hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt (nếu đăng ký và cam kết phục vụ trong ngành giáo dục) theo quy định của Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ. Nếu sinh viên không đăng ký hưởng hỗ trợ sẽ tự túc nộp học phí theo quy định của Trường.

- Các mốc thời gian tuyển sinh có thể được điều chỉnh, cập nhật theo Kế hoạch tuyển sinh của Bộ GDĐT và điều kiện thực tế của Nhà trường.

- Lệ phí thi, xét tuyển đã đóng sẽ không được hoàn trả lại trong bất cứ trường hợp nào.

* Đối với người nước ngoài, Trường ĐHSP Hà Nội tuyển sinh theo Quy chế hiện hành của Bộ GDĐT về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam. Đối với diện Hiệp định, Trường tiếp nhận lưu học sinh vào học đại học chính quy theo quyết định của Bộ GDĐT. Đối với diện ngoài Hiệp định, thí sinh người nước ngoài nộp hồ sơ dự tuyển trực tiếp tại Trường và nộp lệ phí xét tuyển theo quy định của Trường trong năm tuyển sinh. Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung cùng với các đối tượng tuyển sinh khác.

7. Tổ chức thi tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ đăng kí xét tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

7.1. Tổ chức thi các môn năng khiếu

Trường tổ chức thi các môn năng khiếu đối với thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào *các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Giáo dục Mầm non và Giáo dục Mầm non – Sư phạm Tiếng Anh*.

7.1.1. Điều kiện đăng ký xét tuyển: Thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Giáo dục Mầm non và Giáo dục Mầm non – Sư phạm Tiếng Anh cần thỏa mãn các điều kiện sau:

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm tất cả 06 học kỳ cấp THPT đạt loại Khá trở lên.
- Thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào ngành các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật và Giáo dục thể chất, nếu không dùng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 mà chỉ dùng kết quả thi năng khiếu năm 2024 của Trường ĐHSP Hà Nội để xét tuyển, cần điều kiện: có học lực lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên hoặc điểm tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên. Đối với ngành Giáo dục thể chất, các thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia, quốc tế hoặc có điểm thi năng khiếu do Trường tổ chức đạt loại Xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) thì chỉ cần yêu cầu thí sinh tốt nghiệp THPT. Đối với các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, các thí sinh có điểm thi năng khiếu do Trường tổ chức đạt loại Xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) thì chỉ cần yêu cầu thí sinh tốt nghiệp THPT.

- Thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào các ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Mầm non - Sư phạm Tiếng Anh của Trường ĐHSP Hà Nội năm 2024, nếu đăng ký thi tốt nghiệp THPT năm 2024 thì xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT. Đối với thí sinh không tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 sẽ phải đăng ký thi đánh giá năng lực theo tổ hợp quy định ở mục 4.1 để xét tuyển theo PT5 (Xem mục 7.2 để đăng ký thi đánh giá năng lực, nếu có).

* Thí sinh phải dự thi các môn thi năng khiếu được tổ chức tại Trường ĐHSP Hà Nội. Trường không sử dụng điểm thi năng khiếu do các trường khác cung cấp để xét tuyển.

7.1.2. Thông tin tuyển sinh các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục thể chất

7.1.2.1. Hai môn thi năng khiếu tuyển sinh vào ngành Sư phạm Âm nhạc gồm:

- Môn năng khiếu âm nhạc 1: Hát, hệ số 2 (thí sinh hát 02 bài hát, 01 bài dân ca và 01 ca khúc).
- Môn năng khiếu âm nhạc 2: Thảm âm - Tiết tấu, hệ số 1 (thí sinh thực hiện theo giám khảo 2 mẫu Thảm Âm và 2 mẫu Tiết tấu, ưu tiên cho thí sinh biết sử dụng nhạc cụ).

7.1.2.2. Hai môn thi năng khiếu tuyển sinh vào ngành Sư phạm Mỹ thuật gồm:

- Môn năng khiếu mỹ thuật 1 (240 phút): Hình họa chì, hệ số 2 (vẽ tượng chân dung, khổ giấy A2, tương đương kích thước 40cm x 60 cm).
- Môn năng khiếu mỹ thuật 2 (210 phút): Trang trí, hệ số 1 (vẽ mẫu trang trí các hình vuông, tròn, chữ nhật, đường diềm, bài thi vẽ bằng màu vẽ trên giấy trắng, khổ giấy A2, tương đương kích thước 40cm x 60cm).

7.1.2.3. Hai môn thi năng khiếu tuyển sinh vào ngành Giáo dục thể chất gồm:

- Môn năng khiếu GDTC 1: Bật xa, hệ số 2.
- Môn năng khiếu GDTC 2: Chạy 100m, hệ số 1.

7.1.2.4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Tổng điểm thi (đã nhân hệ số và cộng điểm ưu tiên, nếu có) đạt từ 18,0 điểm trở lên, theo thang điểm 30 nếu xét tuyển kết hợp với kết quả học bạ THPT. Trường hợp khác, theo ngưỡng quy định của Bộ GDĐT và của Trường ĐHSP Hà Nội, nếu có.

7.1.3. Thông tin tuyển sinh các ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Mầm non - Sư phạm Tiếng Anh

Môn thi năng khiếu (hệ số 1) tuyển sinh vào ngành Giáo dục Mầm non và ngành Giáo dục Mầm non - Sư phạm Tiếng Anh gồm 02 nội dung:

- Nội dung 1: Hát (bao gồm Hát và Thảm âm - Tiết tấu)
- Nội dung 2: Kể chuyện và đọc diễn cảm

Điểm thi môn năng khiếu là trung bình cộng điểm thi của 02 nội dung trên. Nếu thí sinh chỉ dự thi một trong hai nội dung trên thì không được tính điểm để xét tuyển.

Ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Mầm non - Sư phạm Tiếng Anh: Chỉ sử dụng kết quả thi môn năng khiếu do Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức thi. Điểm thi năng khiếu của thí sinh sẽ được cập nhật lên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung năm 2024 để Nhà trường xét tuyển PT1 theo quy định của Bộ GDĐT hoặc kết hợp với các môn thi đánh giá năng lực của Trường ĐHSP Hà Nội để xét tuyển theo PT5.

7.1.4. Hồ sơ đăng ký dự thi

- Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân.
- Ảnh chân dung (ảnh thẻ).
 - Ảnh chụp/scan bản chính học bạ THPT (đầy đủ 06 học kì).
- Giấy tờ ưu tiên về đối tượng tuyển sinh (nếu có).
- Biên lai nộp tiền hoặc xác nhận chuyển tiền.

7.1.5. Lệ phí thi: 300.000đ/01 hồ sơ.

Chuyển tiền vào tài khoản của Trường với thông tin sau:

Tên chủ tài khoản: Họ và tên thí sinh
Số tài khoản: Mã hồ sơ
Tại Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Cầu Giấy.
Nội dung nộp tiền: NK2024 - Họ và tên thí sinh – Mã hồ sơ

Lưu ý: Số tài khoản là **Mã hồ sơ** ghi trên **Phiếu đăng ký thi năng khiếu** sau khi thí sinh đăng ký trực tuyến thành công. Sau khi nộp lệ phí, thí sinh phải giữ lại biên lai nộp tiền hoặc xác nhận chuyển tiền để Nhà trường đối chiếu khi cần thiết.

7.1.6. **Hình thức đăng ký xét tuyển:** Đăng ký trực tuyến trên Cổng thông tin đăng ký tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội. Các hồ sơ theo quy định ở trên phải được scan và đính kèm đầy đủ trong mục **Nộp các file minh chứng**.

7.1.7. **Thời gian và địa điểm thi**

7.1.7.1. Thời gian thi

- Ngày **04/07/2024**: Phổ biến quy chế thi.

- Ngày **05, 06 và 07/07/2024**: Thi các môn năng khiếu (*danh sách thí sinh dự thi theo các ca thi sẽ được công bố trước ngày 26/06/2024 trên trang Thông tin tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội tại địa chỉ: <http://tuyensinh.hnue.edu.vn>*).

7.1.7.2. Địa điểm thi: Trường ĐHSP Hà Nội, số 136 Xuân Thủy, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

7.1.8. **Thời gian nộp hồ sơ và công bố kết quả**

- Nộp hồ sơ từ ngày 06/05/2024 đến ngày 12/06/2024.
- Công bố kết quả: trước ngày 10/07/2024 trên website <http://tuyensinh.hnue.edu.vn> (đối với thí sinh xét tuyển kết hợp kết quả thi năng khiếu với học lực THPT hoặc kết quả thi đánh giá năng lực tại Trường ĐHSP Hà Nội).
- Thí sinh xét tuyển kết hợp kết quả thi năng khiếu với kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 **đăng ký nguyện vọng xét tuyển trực tuyến** trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT theo thời gian quy định của Bộ GDĐT để xét tuyển theo PT1.

7.1.9. **Đăng ký nguyện vọng xét tuyển, xác nhận nhập học và nộp hồ sơ nhập học**

- Thí sinh thuộc diện đủ điều kiện trúng tuyển theo phương thức kết hợp kết quả thi năng khiếu với học lực THPT (PT4) hoặc kết hợp kết quả thi năng khiếu với kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực của Trường ĐHSP Hà Nội (PT5) phải **đăng ký nguyện vọng xét tuyển trực tuyến** trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT theo thời gian quy định của Bộ GDĐT **với thứ tự nguyện vọng là 1** mới thực sự trúng tuyển vào Trường ĐHSP Hà Nội.

- Thí sinh trúng tuyển **xác nhận nhập học trực tuyến** theo thời gian quy định của Bộ GDĐT trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

- Thí sinh kê khai thông tin trên Hệ thống nhập học trực tuyến của Trường ĐHSP Hà Nội và nộp hồ sơ nhập học trực tiếp tại Khoa đào tạo. Thời gian nhập học cụ thể Trường sẽ thông báo cùng với thông báo kết quả trúng tuyển.

Lưu ý: Nhà trường không gửi giấy báo dự thi đến từng thí sinh, thí sinh tra cứu thông tin trên trang tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội tại địa chỉ <http://tuyensinh.hnue.edu.vn>. Nếu còn

có vấn đề chưa rõ có thể gọi điện thoại theo số hotline 0865.911.136 để được giải đáp. *Thí sinh phải có trách nhiệm thực hiện đúng thời gian và lịch thi theo quy định của nhà trường. Thí sinh vi phạm thời gian thi theo quy định sẽ không được dự thi và phải hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.*

7.2. Tổ chức thi đánh giá năng lực đối với các ngành xét tuyển theo phương thức 5 (PT5)

Trường tổ chức thi đánh giá năng lực các môn Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí với thí sinh thỏa mãn điều kiện xét tuyển quy định tại mục 3.5 có nguyện vọng xét tuyển vào các ngành của Trường theo PT5.

7.2.1. Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển theo từng ngành từ cao xuống thấp cho hết chỉ tiêu dựa theo tổng điểm các môn thi (đã nhân hệ số 2) của tổ hợp đăng kí xét tuyển quy định tại mục 4 và điểm ưu tiên (nếu có) theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

* Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo PT5: Tổng điểm thi (đã nhân hệ số và cộng điểm ưu tiên, nếu có) đạt từ 18,0 điểm trở lên, theo thang điểm 30.

7.2.2. Thời gian và địa điểm thi

7.2.2.1. Thời gian thi: Ngày 11/05/2024, quy định cụ thể như sau:

Ca thi	Môn thi	Thời gian thi	Môn thi	Thời gian thi	Ghi chú
Ca 1: 7h15 – 8h45	Toán	90 phút			Đề thi tiếng Anh sáng và chiều là tương đương
Ca 2: 9h15-10h15; 10h45	Ngữ văn	90 phút	Tiếng Anh	60 phút	
Ca 3: 13h15 – 14h15	Vật lí	60 phút	Lịch sử	60 phút	
Ca 4: 14h45 – 15h45	Hóa học	60 phút	Địa lí	60 phút	
Ca 5: 16h15 – 17h15	Sinh học	60 phút	Tiếng Anh	60 phút	

7.2.2.2. Địa điểm thi

+ Địa điểm 1: Trường ĐHSP Hà Nội, số 136 Xuân Thủy, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

+ Địa điểm 2: Trường Đại học Quy Nhơn, số 170 An Dương Vương, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

+ Địa điểm 3: Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, số 459 Tôn Đức Thắng, Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

7.2.3. Hồ sơ đăng kí dự thi

- Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân.
- Ảnh chân dung (ảnh thẻ).

- Giấy tờ ưu tiên về đối tượng tuyển sinh (nếu có).
- Biên lai nộp tiền hoặc xác nhận chuyển tiền (việc chuyển lệ phí thực hiện sau khi đã xác nhận đăng kí thi thành công).

7.2.4. *Lệ phí thi*: 200.000đ/01 môn thi.

Lệ phí xét tuyển: 20.000đ/01 nguyện vọng xét tuyển.

7.2.5. *Hình thức đăng kí xét tuyển*:

- Đăng kí trực tuyến trên Cổng thông tin đăng kí tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội. Các hồ sơ theo quy định ở trên phải được scan và đính kèm đầy đủ trong mục **Nộp các file minh chứng**.
- Lệ phí: chuyển tiền vào tài khoản của Trường với thông tin sau:

Tên chủ tài khoản: Họ và tên thí sinh
Số tài khoản: Mã hồ sơ
Tại Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Cầu Giấy.
Nội dung nộp tiền: DGNL2024 - Họ và tên thí sinh - Mã hồ sơ

Chú ý: **Mã hồ sơ** là Mã hồ sơ ghi trên **Phiếu đăng kí thi đánh giá năng lực** sau khi thí sinh đăng kí trực tuyến thành công. Sau khi nộp lệ phí, thí sinh phải giữ lại biên lai nộp tiền hoặc xác nhận chuyển tiền để Nhà trường đối chiếu khi cần thiết.

7.2.6. *Thời gian nộp hồ sơ và công bố kết quả*

- Nộp hồ sơ từ ngày 01/3/2024 đến ngày 15/04/2024.
- Công bố kết quả thi: trước ngày 01/06/2024 (công bố trên website <http://tuyensinh.hnue.edu.vn>).
- Công bố kết quả trúng tuyển: trước 17h00 ngày 25/06/2024 (công bố trên website <http://tuyensinh.hnue.edu.vn>).

7.2.7. *Đăng kí nguyện vọng xét tuyển, xác nhận nhập học và nộp hồ sơ nhập học*

- Thí sinh thuộc diện đủ điều kiện trúng tuyển theo phương thức 5 phải **đăng kí nguyện vọng xét tuyển trực tuyến** trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT theo thời gian quy định của Bộ GDĐT **với thứ tự nguyện vọng là 1** mới thực sự trúng tuyển vào Trường ĐHSP Hà Nội.
- Thí sinh trúng tuyển **xác nhận nhập học trực tuyến** theo thời gian quy định của Bộ GDĐT trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.
- Thí sinh kê khai thông tin trên Hệ thống nhập học trực tuyến của Trường ĐHSP Hà Nội và nộp hồ sơ nhập học trực tiếp tại Khoa đào tạo. Thời gian nhập học cụ thể Trường sẽ thông báo cùng với thông báo kết quả trúng tuyển.

Lưu ý: Nhà trường không gửi giấy báo dự thi đến từng thí sinh, thí sinh tra cứu thông tin trên trang tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội tại địa chỉ <http://tuyensinh.hnue.edu.vn>. Nếu còn có vấn đề chưa rõ có thể gọi điện thoại theo số điện thoại hotline 0865.911.136 để được giải đáp. *Thí sinh phải có trách nhiệm thực hiện đúng thời gian và lịch thi theo quy định của nhà trường. Thí sinh vi phạm thời gian thi theo quy định sẽ không được dự thi và phải hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.*

8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

- Trường ĐHSP Hà Nội xét tuyển thẳng các thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng được quy định tại khoản 1,2, điều 8 của **Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non** của Bộ GDĐT (gọi tắt là diện XTT1). Thí sinh phải nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường ĐHSP Hà Nội.

- Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức cho thí sinh tự chọn đăng kí viết bài luận và phỏng vấn xét tuyển thẳng nếu thí sinh có bài luận được đánh giá tốt hoặc ưu tiên cộng điểm xét tuyển theo PT2, PT3.
- Trường ĐHSP Hà Nội ưu tiên xét tuyển thẳng theo 02 phương thức sau:

8.1. Phương thức tuyển sinh 2 (PT2): (gọi tắt là diện XTT2)

- Điều kiện đăng kí xét tuyển: xem cụ thể tại mục 3.2.
- Nguyên tắc xét tuyển: xem cụ thể tại mục 3.2.

8.2. Phương thức tuyển sinh 3 (PT3): (gọi tắt là diện XTT3).

- Điều kiện đăng kí xét tuyển: xem cụ thể tại mục 3.3.
- Nguyên tắc xét tuyển: xem cụ thể tại mục 3.3.

8.3. Danh sách các ngành xét tuyển theo PT2 và PT3 xem tại mục 4.1.2 và 4.2.2:

8.4. Nộp hồ sơ đăng kí xét tuyển diện XTT2, XTT3

8.4.1. Quy định về hồ sơ đăng kí xét tuyển

- Ảnh chụp/scan bản chính học bạ THPT (đầy đủ 6 học kì).
- Ảnh chụp/scan bản chính các giấy tờ ưu tiên (nếu có)
- Ảnh chụp/scan bản chính Biên lai nộp tiền hoặc xác nhận chuyên tiền.

Chú ý: Thí sinh chỉ được đăng kí xét tuyển thẳng vào 01 ngành đào tạo.

8.4.2. Hình thức đăng kí xét tuyển

+ Đăng kí xét tuyển trực tuyến trên Cổng thông tin đăng kí xét tuyển đại học năm 2024 (XTT2,XTT3) của Trường ĐHSP Hà Nội. Các hồ sơ theo quy định ở trên phải được scan và đính kèm đầy đủ trong mục các hồ sơ đính kèm.

+ **Lệ phí xét tuyển thẳng:** 20.000đ/01 hồ sơ.

Lệ phí đánh giá bài luận (đối với thí sinh đăng kí viết bài luận): 20.000đ/01 bài luận.

+ Lệ phí: chuyển tiền vào tài khoản của Trường với thông tin sau:

Tên chủ tài khoản: Họ và tên thí sinh
Số tài khoản: Mã hồ sơ
Tại Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Cầu Giấy.
Nội dung nộp tiền: XTT2024 - Họ và tên thí sinh – mã hồ sơ

Lưu ý: Số tài khoản là **Mã hồ sơ** ghi trên **Phiếu đăng kí xét tuyển thẳng** sau khi thí sinh đăng kí trực tuyến thành công. Sau khi nộp lệ phí, thí sinh phải giữ lại biên lai nộp tiền hoặc xác nhận chuyển tiền để Nhà trường đối chiếu khi cần thiết.

8.4.3. Thời gian nộp hồ sơ và công bố kết quả trúng tuyển

- Nộp hồ sơ từ ngày 19/05/2024 đến ngày 12/06/2024.
- Công bố kết quả: trước 17h00 ngày 25/06/2024 (công bố trên website <http://tuyensinh.hnue.edu.vn>).

8.4.4. Đăng kí nguyện vọng xét tuyển, xác nhận nhập học và nộp hồ sơ nhập học

- Thí sinh thuộc diện đủ điều kiện trúng tuyển theo các phương thức 2 và phương thức 3 phải **đăng kí nguyện vọng xét tuyển trực tuyến** trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT theo thời gian quy định của Bộ GDĐT **với thứ tự nguyện vọng là 1** mới thực sự trúng tuyển vào Trường ĐHSP Hà Nội.

- Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học trực tuyến theo thời gian quy định của Bộ GDĐT trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

- Thí sinh kê khai thông tin trên Hệ thống nhập học trực tuyến của Trường ĐHSP Hà Nội và nộp hồ sơ nhập học trực tiếp tại Khoa đào tạo. Thời gian nhập học cụ thể Trường sẽ thông báo cùng với thông báo kết quả trúng tuyển.

Lưu ý: Nhà trường không gửi giấy báo kết quả xét tuyển đến từng thí sinh. Thí sinh tra cứu thông tin trên trang tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội tại địa chỉ <http://tuyensinh.hnue.edu.vn>. Nếu còn có vấn đề chưa rõ, thí sinh có thể gọi điện thoại theo số hotline 0865.911.136 để được giải đáp./.

Ban Truyền thông - Tư vấn tuyển sinh Trường ĐHSP Hà Nội